

# PHIẾU KẾT CA - PROTEA GARDEN

Mã phiếu: 388 | Ngày: 06/07/2026 21:57

## Thông tin ca làm việc

Người tạo: Kiều Quốc Kiệt

Doanh thu: 2.650.600 đ

Tiền mặt: 1.553.600 đ

Chuyển khoản Tingbox: 1.047.000 đ

Tiền cơm phần: 0 đ

Tiền ve chai: 0 đ

Tiền xe hơi: 0 đ

Doanh thu cả ngày: 4.304.600 đ

Tiền mặt cả ngày: 2.985.600 đ

Chuyển khoản cả ngày: 1.269.000 đ

Tiền cơm phần cả ngày: 0 đ

Tiền ve chai cả ngày: 0 đ

Tiền xe hơi cả ngày: 30.000 đ

## Nguyên vật liệu cuối ca

| STT | Tên           | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|---------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 1   | Bánh Orio     | 12.00 Cái   | 0.08 Cây    | 1.00 Cây        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 2   | Bột Cacao     | 331.00 gram | 0.34 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 3   | Bột Đá Xay    | 637.00 gram | 0.36 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 4   | Bột Milk Foam | 394.00 gram | 0.61 Gói    | 1.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 5   | Bơ Đậu Phộng  | 233.00 gram | 0.00 hủ     | 0.00 hủ         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 6   | Cà Phê        | 328.00 gram | 1.67 túi    | 0.00 túi        | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                  | Tồn thực tế  | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|----------------------|--------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 7   | Đào Ngâm             | 1354.00 gram | 0.00 Hộp    | 1100.00 Hộp     | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 8   | Mút đào              | 488.00 gram  | 0.00 chai   | 1.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 9   | Hồng Trà             | 80.00 gram   | 0.87 Gói    | 4.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 10  | Soda                 | 17.00 lon    | 0.00 Lon    | 12.00 Lon       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 11  | Syrup Bạc Hà         | 212.00 ml    | 0.50 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 12  | Syrup Lựu Đỏ         | 363.00 ml    | 0.48 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 13  | Mút Chanh Dây        | 318.00 ml    | 0.00 Chai   | 1.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 14  | Mút Kiwi             | 378.00 ml    | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 15  | Mút Mãng Cầu         | 700.00 ml    | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 16  | Mút Việt Quất        | 591.00 ml    | 0.00 Chai   | 1.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 17  | Mút Xoài             | 780.00 ml    | 0.00 Chai   | 1.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 18  | Sữa Tươi Không Đường | 73.00 ml     | 2.93 Hộp    | 0.00 Hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 19  | Syrup Curacao        | 1012.00 ml   | 0.00 Chai   | 1.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 20  | Syrup Đào            | 102.00 ml    | 0.90 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên               | Tồn thực tế  | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|-------------------|--------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 21  | Trà Ô Long        | 40.00 gram   | 0.93 Gói    | 4.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 22  | Nước suối         | 4.00 chai    | 0.00 chai   | 0.00 chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 23  | Trà Ô Long Đào    | 81.00 gram   | 0.86 Gói    | 3.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 24  | Sốt Matcha        | 504.00 ml    | 0.20 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 25  | Sốt Chocolate     | 121.00 ml    | 0.81 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 26  | Syrup Táo         | 178.00 ml    | 0.00 Chai   | 0.00 Chai       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 27  | Bột Kem Muối      | 518.00 ml    | 0.00 Gói    | 1.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 28  | Bia Heineken bạc  | 11.00 Lon    | 0.00 Lon    | 0.00 Lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 29  | Bia Heineken xanh | 19.00 Lon    | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 30  | Cam               | 4238.00 gram | 0.00 Kg     | 3.00 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 31  | Cà Rốt            | 2045.00 gram | 0.96 Kg     | 0.00 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 32  | Chanh Vàng        | 100.00 gram  | 0.00 Kg     | 0.00 Kg         | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 33  | Coca Cola         | 8.00 lon     | 0.00 lon    | 6.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 34  | Dưa Hấu           | 1895.00      | 0.00 Trái   | 0.00 Trái       | Bổ sung thực tế cuối ca |

| STT | Tên                       | Tồn thực tế | Cần bổ sung | Bổ sung thực tế | Ghi chú                 |
|-----|---------------------------|-------------|-------------|-----------------|-------------------------|
| 35  | Pepsi                     | 6.00 lon    | 0.00 lon    | 0.00 lon        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 36  | Vải Ngâm                  | 3.00 Trái   | 0.00 Trái   | 0.00 Trái       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 37  | Đậu Phộng Tỏi Ớt          | 28.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 38  | Đậu Phộng Tôm - Rong Biển | 28.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 39  | Hương Dương               | 41.00 Gói   | 0.00 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 40  | Bánh Sữa Lớn              | 29.00 Bịch  | 0.00 Bịch   | 0.00 Bịch       | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 41  | Bột Matcha                | 490.00 gram | 0.02 Gói    | 0.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 42  | Trà lài                   | 5.00 Gram   | 0.00 Gói    | 8.00 Gói        | Bổ sung thực tế cuối ca |
| 43  | Rich lùn                  | 279.00 ml   | 0.00 hộp    | 1.00 hộp        | Bổ sung thực tế cuối ca |

Người lập phiếu

.....

Người duyệt

.....